

Bản án số: **63/2020/HS-ST**

Ngày: **22/10/2020**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự và ông Phạm Tuấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Đỗ Văn Q, sinh năm 1995; tên gọi khác: không; giới tính: nam; nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú hiện nay: xóm 15, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên Chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam;

Bố đẻ: không xác định được; mẹ đẻ: Đỗ Thị H, sinh năm 1963; hiện cư trú tại: xóm 15, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vợ, con: chưa có.

Tiền án: có 01 tiền án, tại Bản án số 47 ngày 31/12/2015 của TAND huyện K xử phạt 09 tháng tù, truy thu 205.000 đồng sung quỹ nhà nước và 200.000 đồng án phí về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/7/2016 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 24/7/2020 mới chấp hành xong án phí và tiền truy thu.

Tiền sự: có 02 tiền sự:

+ Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 14 ngày 29/6/2020 của TAND huyện K thời gian 24 tháng. Bị cáo chưa thi hành.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01 ngày 13/3/2014 của Công an xã Đ, huyện K xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa thi hành.

- Lịch sử bản thân: Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 17 ngày 06/7/2017 của TAND huyện K thời gian 24 tháng. Chấp hành xong ngày 06/7/2019.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/7/2020, chuyển tạm giam ngày 30/7/2020 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt.

2. Trần Văn V, sinh năm 1986; tên gọi khác: không; giới tính: nam; nơi sinh: huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký thường trú: xóm 15, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú hiện nay: xóm 3, xã N, huyện K, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Bố đẻ: Trần Văn R (Trần Minh R), sinh năm 1953; mẹ đẻ: Trần Thị T, sinh năm 1954; vợ: Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1987; con; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/7/2020 chuyển tạm giam ngày 30/7/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh Vũ Đình V1, sinh năm 1987; trú tại: phố P, TT.P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt

Đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị H1, sinh năm 1963; trú tại: phố P, TT.P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Anh Trần Xuân T1, sinh năm 1994; trú tại: xóm 5, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Vũ Quốc L, sinh năm 1983; trú tại: xóm 2, xã H, huyện K. Vắng mặt.

+ Ông Phạm Thanh H2, sinh năm 1938, ở xóm 3, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

+ Anh Trần Văn Q, sinh năm 1990; trú tại xóm 15, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

- Người làm chứng: Ông Trần Văn P, Đỗ Minh S; bà Trần Thị T, Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị G. Có mặt bà Tám, vắng mặt ông P, ông S, bà G, bà T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn Q là người sử dụng ma túy. Do cần tiền để tiêu xài và sử dụng ma túy; trong hai ngày 11/7/2020 và ngày 29/7/2020, Q đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 04 giờ ngày 11/7/2020, Q đi lang thang quanh khu vực xã A tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi qua nhà thờ xứ “K” thuộc xóm 8, Q trèo qua tường bao vào nhà thờ rồi đi đến khu vực nhà phòng, nơi ở; Q nhìn thấy phòng ngủ của anh Vũ Đình V1, sinh năm 1987, trú tại phố P, TT.P là người giúp việc cho linh mục khép cửa nhưng không khóa. Q đi vào trong phòng, khép cửa lại, quan sát không có ai và thấy trên bàn có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell đang cắm sạc nên tiến đến dùng tay rút dây sạc quăn lại rồi lấy máy tính và dây sạc bỏ vào cặp đựng máy tính gần đó. Lúc này, Q nhìn lên thấy 01 camera wifi không dây nhãn hiệu “Yoosee” treo trên

tường, sợ bị lộ lên Q tiến đến tháo camera cho vào cặp đựng máy tính rồi đi ra. Khi ra ngoài Q va vào tủ đựng đồ thì thấy 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Casio-W96H rơi xuống đất nên dùng tay trái nhặt đồng hồ cho vào túi quần bên trái. Sau khi lấy được tài sản Q đi ra ngoài đóng cửa lại như cũ rồi trèo qua tường bao theo lối cũ để đi về. Khi đi đến đoạn ngã ba QH thuộc xóm 10, xã A, Q dừng lại lấy camera wifi ném xuống sông. Sau đó, Q đã bán chiếc máy tính, dây sạc cùng cặp cho 01 người đàn ông không quen biết tại khu vực này được 1.000.000 đồng, chiếc đồng hồ Q giữ lại để sử dụng. Số tiền bán được Q đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị mất tài sản anh Vũ Đình V1 đã có đơn trình báo đến Cơ quan công an.

Lần thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 28/7/2020, Q đi bộ từ nhà sang xã Q, huyện K tiếp tục tìm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 29/7/2020, Q đi đến khu vực xóm 5, xã Q, thấy nhà ông Trần Văn P khóa cổng nhưng bên trong cửa chính không khóa, Q trèo qua tường bao vào nhà, thấy ông P đang nằm ngủ ở hè trước cửa chính nên Q đi vào trong nhà. Q đi lên tầng hai, thấy phòng không khóa cửa, vào trong thấy vợ chồng anh Trần Xuân T1, chị Nguyễn Thị G và con đang ngủ say; quan sát thấy ở cuối giường có 01 điện thoại Iphone 6, 01 điện thoại Iphone 6S đang sạc pin liền tiến đến rút dây sạc ra, bỏ 02 điện thoại vào túi quần phía trước bên phải và tiếp tục quan sát. Q thấy trên bàn học có 01 máy tính bảng Ipad Air2 liền tiến đến lấy máy tính cầm trên tay rồi đi ra bằng lối cũ.

Sau khi lấy được tài sản Q đi đến nhà Trần Văn V, Q gọi V và nhờ V chở đến nhà ông Phạm Thanh H2 ở xã C, huyện K, V đồng ý. V điều khiển xe mô tô BKS 35K1-17817 chở Q đi, trên đường đi Q kể cho V biết việc Q vừa trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông H2, V đứng ngoài đường còn Q mang chiếc máy tính bảng vào gửi ông H2 hẹn vài ngày sau sẽ lấy, ông H2 đồng ý. V tiếp tục chở Q về trước cửa nhà nghỉ “Hoàng Gia” xã A, huyện K. Tại đây, Q đưa cho V 02 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được để V mang đi bán lấy tiền trả nhà nghỉ và chia nhau tiêu xài, sau đó Q ở lại còn V đi về nhà ngủ. Do đã muộn nên nhà nghỉ “Hoàng Gia” đóng cửa, Q đi bộ đến nhà nghỉ “An Bình” ở xã Q thuê phòng nghỉ tại đây. Đến sáng ngày 29/7/2020, V mang 02 chiếc điện thoại ra cửa hàng điện thoại di động của anh Vũ Quốc L ở xã H, huyện K bán được 400.000 đồng. V tiêu xài cá nhân hết 200.000 đồng. Sau khi bị mất tài sản, anh Trần Xuân T đã có đơn trình báo đến cơ quan Công an.

Hồi 12 giờ ngày 29/07/2020 Trần Văn V đến Công an huyện K tự thú; hồi 14 giờ cùng ngày Đỗ Văn Q đến Công an huyện K đầu thú cùng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: V giao nộp 200.000 đồng và xe mô tô BKS 35K1-17817; Quý giao nộp 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Casio – W96H, 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 màu xanh, 01 đèn pin trụ tròn KT 9,5 x 02 cm và 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Văn Q. Ông Phạm Thanh H2 và anh Vũ Quốc L tự nguyện giao nộp 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Air2 16GB, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S loại 16GB, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bản 16GB.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 45/HĐĐG ngày 30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell có giá trị còn lại là 10.500.000 đồng, 01 camera wifi không dây nhãn hiệu Yoosee có giá trị còn lại là 370.000 đồng, 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Casio – W96H có giá trị còn lại là 700.000 đồng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 46/HĐĐG ngày

30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S loại 16GB có giá trị còn lại là 2.800.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bản 16GB có giá trị còn lại là 2.400.000 đồng, 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Air2 16GB có giá trị còn lại là 6.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 23.170.000 đồng.

Quá trình điều tra cơ quan công an đã trả lại cho anh Vũ Đình V1 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Casio – W96H; trả lại cho anh Trần Xuân T 01 điện thoại di động Iphone 6S loại 16GB, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bản 16GB, 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Air2 16GB; đã trả lại cho chiếc xe mô tô BKS 35K1-17817 cho anh Trần Văn Q. Gia đình bị cáo Trần Văn V đã bồi thường cho anh Vũ Quốc L số tiền 400.000 đồng mua điện thoại, anh L đã nhận và không có yêu cầu gì thêm.

Vật chứng còn lại 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 màu xanh, 01 đèn pin trụ tròn KT 9,5 x 02 cm và 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Văn Q và số tiền 200.000 đồng của Trần Văn V được chuyển đến chi cục thi hành án dân sự huyện K. Vật chứng không thu hồi được: 01 camera wifi không dây nhãn hiệu Yoosee, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell cùng dây sạc và cáp.

Bản cáo trạng số 67/CT-VKS ngày 5/10/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố Đỗ Văn Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và Trần Văn V về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1, Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo nội dung cáo trạng và đề nghị HĐXX:

- Tuyên bố: Đỗ Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản” và Trần Văn V phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm s, khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h, khoản 1 Điều 52 Điều BLHS; xử phạt bị cáo Q từ 21 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/07/2020.

- Áp dụng khoản 1, Điều 323; điểm b, r, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Điều BLHS; xử phạt bị cáo V từ 06 tháng đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/07/2020.

- Căn cứ Điều 47, 48 BLHS; Điều 106, 136 BLTTHS 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

- Buộc bị cáo Đỗ Văn Q phải bồi thường cho anh Vũ Đình V1 số tiền 10.870.000đ.

- Buộc bị cáo Q phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 543.500đ án phí dân sự sơ thẩm; buộc bị cáo V phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bị cáo Q 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 màu xanh, 01 đèn pin trụ tròn KT 9,5 x 02cm; 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Văn Q; trả lại cho bị cáo V số tiền 200.000 đồng; tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 màu xanh, 01 đèn pin trụ tròn KT 9,5 x 02 cm và số tiền 200.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn V và Đỗ Văn Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; không có ý kiến bào chữa, tranh luận; xin xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện K; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng do đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Văn Q và Trần Văn V thừa nhận hành vi của mình thực hiện như nội dung vụ án của Tòa án đã nêu trên; Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng còn phù hợp các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét công khai tại phiên tòa hôm nay như: bản kết luận định giá tài sản số 45 và 46/HĐĐG cùng ngày 30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K, vật chứng thu giữ được là 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Casio - W96H, 01 điện thoại di động Iphone 6S loại 16GB, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bản 16GB, 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Air2 16GB.

Từ những chứng cứ đó, đã có đầy đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sơ hở trong việc trông coi tài sản của chủ sở hữu, trong các ngày 11/7/2020 và 29/7/2020 tại nhà thờ xứ “K” thuộc xóm 8, xã A, huyện K và tại gia đình ông Trần Văn P ở xóm 5, xã Q, huyện K, Q đã có hành vi lén lút trộm cắp số tài sản 01 camera wifi không dây nhãn hiệu Yoosee, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell cùng dây sạc, 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Casio – W96H của anh Vũ Đình V1 có giá trị là 11.570.000 đồng; 01 điện thoại di động Iphone 6S loại 16GB, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bản 16GB, 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad Air2 16GB của anh Trần Xuân T có giá trị tài sản là 11.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị trộm cắp là 23.170.000đ. Hành vi đó của Đỗ Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Bị cáo Trần Văn V không hứa hẹn trước, nhưng biết tài sản gồm 01 điện thoại di động Iphone 6S loại 16GB, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 bản 16GB do Đỗ Văn Q trộm cắp mà có nhưng vẫn mang đi bán được 400.000đ, tiêu xài cá nhân; Hành vi đó của Trần Văn V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[3] các bị cáo đều là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự thực hành vi phạm tội xâm phạm đến sở hữu tài sản của công dân và trật tự xã hội được pháp luật bảo vệ; hành vi đó của các bị cáo cần được xử lý nghiêm:

Đối với bị cáo Q là người đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích, thực hiện hai lần trộm cắp tài sản là các tình tiết tăng nặng “phạm tội từ hai lần trở lên” và “Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm” được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú về hành vi phạm tội của mình là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Căn cứ mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, nhân thân của bị cáo xấu còn là người nghiện ma túy nên cần

phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội nhằm giáo dục cải tạo bị cáo cũng như răn đe, phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo V không có tình tiết tăng nặng; có các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tự thú hành vi phạm tội của mình, bồi thường thiệt hại do mình gây ra; gia đình có công với cách mạng được quy định tại điểm b, r, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình phạt. Bị cáo có bốn tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và một tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 52, nhân thân bị cáo chưa phạm tội lần nào nhưng bị cáo là người nghiện ma túy; bản thân bị cáo và gia đình yêu cầu được áp dụng hình phạt tù để có thời gian cải tạo và cai nghiện; do đó HĐXX không áp dụng Điều 54 BLHS và áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và giúp bị cáo cai nghiện ma túy.

{4} Đối với ông Phạm Thanh H2 cho bị cáo Q gửi máy tính bảng và anh Vũ Quốc L mua điện thoại của bị cáo V nhưng không biết các tài sản này do trộm cắp mà có nên không phạm tội nhưng cần nhắc nhở để trong các giao dịch dân sự sau thận trọng hơn. Đối với người đàn ông mua máy tính xách tay của bị cáo Q trộm cắp được, bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ nên không có căn cứ xử lý

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với anh T1 đã nhận lại chiếc điện thoại và không có yêu cầu gì thêm; việc trả lại là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề này.

Đối với anh Vũ Đình V1 bị mất tài sản là 01 camera wifi không dây nhãn hiệu Yoosee, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell cùng dây sạc bị cáo Q đã bán không thu hồi được; anh V1 có yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại xảy ra; vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại gây ra cho anh V1 về tài sản theo giá trị tài sản tại định giá tại kết luận 45/HĐĐG ngày 30/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K là phù hợp

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là chiếc xe xe mô tô BKS 35K1-17817: qua điều tra xác định là tài sản của anh Trần Văn Q là em trai bị cáo, anh Q cho mượn xe nhưng không biết Vinh sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện K đã trả lại cho anh Q, anh đã nhận lại và không có yêu cầu hay đề nghị gì; việc trả lại là phù hợp quy định của pháp luật nên không xem xét lại.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 màu xanh, 01 đèn pin trụ tròn KT 9,5x02cm và 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Văn Q và số tiền 200.000 đồng thu của của Trần Văn V là tài sản của các bị cáo không liên quan đến vụ án; cần trả lại cho bị cáo Q 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 màu xanh, 01 đèn pin trụ tròn KT 9,5 x 02cm; 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Văn Q; trả lại cho bị cáo V số tiền 200.000 đồng; nhưng tiếp tục quản lý đảm bảo thi hành án 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 màu xanh, 01 đèn pin trụ tròn KT 9,5 x 02 cm và số tiền 200.000 đồng.

[7] Bị cáo Q phải chịu toàn bộ án phí hình sự và án phí dân sự; bị cáo V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h, g khoản 1 Điều 52 BLHS:

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”
- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Q 22 (hai mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/07/2020.

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 323; điểm b, i, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn V phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”
- Xử phạt bị cáo Trần Văn V 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/07/2020.

3. Căn cứ: Điều 47, 48 BLHS; Điều 106, 136 BLTTHS 2015 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Điều 584, 585, 586, 589 BLDS:

- Buộc bị cáo Đỗ Văn Q phải bồi thường cho anh Vũ Đình V1 số tiền 10.870.000đ.
- Trả lại cho bị cáo Q 01 căn cước công dân mang tên Đỗ Văn Q.
- Trả lại cho bị cáo Q 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 màu xanh, 01 đèn pin trụ tròn KT 9,5 x 02cm; trả lại cho bị cáo V số tiền 200.000 đồng; nhưng tiếp tục quản lý 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1208 màu xanh, 01 đèn pin trụ tròn KT 9,5x02cm, số tiền 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án .
- Buộc bị cáo Q phải nộp 543.500đ án phí dân sự sơ thẩm và 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm
- Buộc bị cáo V phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền phải thi hành nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- THADS huyện K;
- Công an Huyện K,
- UBND xã Đ, N;
- Bị cáo; bị hại, người liên quan
- Lưu: HS&VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh